

Bản án số: 35/2019/HSST
Ngày 19 - 6 - 2019

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH – TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vũ Thị Bình

Bà Phạm Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngát - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Quỳnh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 28/2019/TLST- HS ngày 21 tháng 5 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2019/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 6 năm 2019 đối với bị cáo:

Trần Văn C - Sinh năm: 1994; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 8/12; Bố đẻ: Trần Văn M (đã chết) tại xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; Mẹ đẻ: Trần Thị T, sinh năm: 1976; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 06/02/2019 đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

1. Anh Vũ Thanh T, sinh năm: 1988; Nơi cư trú: Thôn D, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (vắng mặt).

2. Anh Bùi Đình V, sinh năm: 1989; Nơi cư trú: Thôn N, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn C có quen biết với Đinh Viết T, sinh năm 1992 ở thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Nam Định. Khoảng 15 giờ ngày 26/12/2018, C đang ở nhà thì T điện thoại cho C rủ đi trộm cắp xe máy và hẹn gặp nhau tại quán trà sữa của chị Vũ Thị Quỳnh T, sinh năm:1987 ở Tổ dân phố N, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định. Khoảng 18 giờ cùng ngày, C đi ra quán trà sữa của chị Vũ Thị Quỳnh T, gặp T. C bảo T chờ đến sân vận động Cổ Lễ, huyện Trực Ninh là khu liên hợp thể thao do anh Lương Văn T ở Tổ dân phố T, thị trấn C, huyện T làm quản lý để trộm cắp xe máy. T đưa cho C chiếc vạm phá khóa rồi chở C đến cổng sân vận động thị trấn Cổ Lễ. Sau đó T đi xe máy của mình đi đâu không rõ, C đi bộ vào sân vận động để thực hiện việc trộm cắp tài sản. C quan sát thấy vị trí đối diện cổng ra vào có dựng nhiều xe máy các loại của những người đến chơi đá bóng. Để ý không thấy có người trông giữ, C đến vị trí dựng chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha BS: 18K1-13438 của anh Bùi Đình V. C lấy vạm phá khóa để mở ổ khóa điện của xe nhưng không mở được nên C không lấy được chiếc xe này. C tiếp tục đến ngồi lên yên xe máy nhãn hiệu Honda Wave RSX BS:18K1-23415 của anh Vũ Thanh T, C dùng vạm phá khóa ổ khóa điện thì mở được khóa điện của xe. C nổ máy xe rồi đi đến thôn Đồng Lư, xã Tân Thịnh, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định đứng đợi T. C dùng vạm phá khóa mở cốp xe máy vừa trộm cắp được của anh T, kiểm tra trong cốp xe máy có 01 ví da nam bên trong có số tiền 3.800.000đ; 01 chiếc nhẫn vàng tây (loại nhẫn cưới); 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Đoàn Thị P (vợ anh T) và 01 giấy phép lái xe ô tô, xe máy, 01 căn cước công dân mang tên anh T. C lấy 3.300.000đ bỏ vào túi quần, đeo chiếc nhẫn vào tay mình còn ví da cùng 500.000đ và giấy tờ lại bỏ vào trong cốp xe. Đúng lúc này T đi đến, C nói với T: “Kiểm tra trong cốp có ví, trong có năm trăm nghìn” và lấy luôn ví da bỏ vào túi. T và C đi đến nhà anh Nguyễn Văn Th, sinh năm:1982 ở thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Nam Định để cầm cố xe máy vừa lấy của anh T. Đến nhà anh Th, T mang xe vào nói “anh cầm cho em cái xe”, anh Th nói “tao chỉ mua thẳng không cầm”. T hỏi anh Th “xe này anh mua được bao nhiêu”. Anh Th hỏi “xe có giấy tờ không”. T nói “Không thẳng bạn em nó làm mất rồi”. Anh Th nói “tầm khoảng ba, bốn triệu” và hẹn T sáng mai đến xem xe. T gửi lại chiếc xe ở nhà anh Th và hẹn sáng mai đến bán. Anh Th đồng ý đem xe vào trong nhà. Sau đó T chở C lên thành phố Nam Định, trên đường đi C lấy 500.000đ trong ví của anh T đi mua ma túy sử dụng, còn ví và các loại giấy tờ trong ví của anh T, C vứt ở ven đường. Chiếc vạm để mở khóa xe C đánh rơi mất, còn thanh chữ T C trả lại cho T.

Sáng ngày 27/12/2018, anh Th kiểm tra chiếc xe máy BS:18K1-23415 phát hiện thấy ổ khóa điện và khóa cốp xe bị cạy phá, anh Th nghi ngờ chiếc xe do trộm cắp mà có. Anh Th giao nộp chiếc xe máy Bs: 18K1-23415 cho Công an huyện

Nam Trực. Chiều ngày 27/12/2018, T điện thoại cho anh Th nói: “Anh cất chiếc xe máy cho em, thằng kia nó đi nó nhảy về chứ không phải xe của nó đâu”. Anh Th nói: “Xe của mày Công an họ thu về rồi”. Biết hành vi trộm cắp bị phát hiện cả T và C đều bỏ trốn khỏi địa phương. Quá trình bỏ trốn C đã bán chiếc nhẫn được 700.000đ và số tiền 3.300.000đ tiêu sài hết. Ngày 03/02/2019 CQĐT Công an huyện Trục Ninh ra quyết định truy nã đối với Trần Văn C. Ngày 06/02/2019 C bị bắt tại nhà.

Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Trục Ninh định giá kết luận: chiếc xe máy BS: 18K1-23415 trị giá 11.000.000 (mười một triệu đồng); chiếc nhẫn vàng tây trị giá 700.000đ (bảy trăm nghìn đồng); chiếc xe máy BS:18K1-13438 có trị giá 11.500.000đ (Mười một triệu năm trăm nghìn đồng).

Chiếc xe máy BS:18K1-23415, CQĐT Công an huyện Trục Ninh đã trả lại cho anh Vũ Thanh T.

Chiếc xe máy BS:18K1-13438, CQĐT Công an huyện Trục Ninh đã trả lại cho anh Bùi Đình V.

Chiếc nhẫn vàng tây, sau khi hành vi trộm cắp tài sản bị phát hiện C bỏ trốn lên thành phố Lào Cai và bán chiếc nhẫn vàng tây trộm cắp của anh T cho một cửa hàng vàng tại thành phố Lào Cai, không rõ địa chỉ cụ thể, CQĐT không thu giữ.

Theo C khai cùng T lên thành phố Nam Định mua ma túy của 1 người đàn ông không quen biết ở khu nhà 5 tầng, thành phố Nam Định, CQĐT Công an huyện đã xác minh nhưng không xác định được là ai để xử lý.

Đối với Đình Văn T, CQĐT Công an huyện đã tiến hành xác minh nhưng T không có mặt tại địa phương, không biết hiện T đang ở đâu. Do đó, chưa đủ cơ sở để xử lý đối với T, CQĐT Công an huyện Trục Ninh tách ra xử lý sau.

Đối với anh Nguyễn Văn Th đã đồng ý cho C và T để nhờ xe máy ở nhà mình, sau khi biết chiếc xe máy do C trộm cắp được mà có anh Th đã đem giao nộp cho Công an huyện Nam Trực, do vậy không phạm tội.

Về trách nhiệm dân sự:

+ Anh Vũ Thanh T yêu cầu C phải bồi thường cho anh T chiếc nhẫn cưới bằng vàng Tây trị giá 700.000đ và số tiền 3.800.000đ. Chiếc ví da và các giấy tờ để trong ví da, ổ khóa điện và ổ khóa cốp xe máy Bs: 18K1-23415 anh T và chị P không yêu cầu C phải bồi thường. Trần Văn C đã nhờ mẹ đẻ là bà Trần Thị T bồi thường cho anh T tổng số tiền 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Anh T nhận đủ số tiền trên và không có yêu cầu bồi thường nào khác.

+ Anh Bùi Đình V không yêu cầu C phải bồi thường đối với chiếc ổ khóa điện xe máy BS:18K1-23415 đã bị C phá hỏng và cũng không có yêu cầu gì khác.

Tại cơ quan điều tra Trần Văn C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Cáo trạng số 29/KSĐT ngày 20 tháng 5 năm 2019, VKSND huyện Trục Ninh đã truy tố bị cáo Trần Văn C về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Trần Văn C khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như nội dung bản Cáo trạng. Bị cáo thực sự ăn năn hối cải, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện VKSND huyện Trục Ninh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật đã viện dẫn tại bản cáo trạng và đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Trần Văn C phạm tội “Trộm cắp tài sản”, căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 BLHS, xử phạt: Trần Văn C từ 15 đến 18 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự không đặt ra.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Bị cáo Trần Văn C đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Công an huyện Trục Ninh, Điều tra viên, VKSND huyện Trục Ninh, KSV trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án như; Biên bản ghi lời khai của người bị hại; Biên bản ghi lời khai của người làm chứng; Biên bản thu giữ vật chứng; Kết luận định giá tài sản, cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 18h, ngày 26/12/2018 Trần Văn C đã có hành vi lợi dụng sơ hở, lén lút dùng vạm phá khóa trộm cắp chiếc xe máy BS: 18K1-23415 trị giá 11.000.000đ (mười một triệu đồng), chiếc nhẫn vàng tây trị giá 700.000đ (bảy trăm nghìn đồng) và số tiền 3.800.000 đồng của anh Vũ Thanh T để trong cốp xe. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “trộm cắp tài sản”. Tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS như Viện kiểm sát nhân dân huyện Trục Ninh đã truy tố đối với bị cáo.

Đối với hành vi bị cáo C khi vào bãi đỗ xe trong sân vận động, dùng vạm mở khóa chiếc xe máy của anh Bùi Đình V nhưng không mở được nên bị cáo không chiếm đoạt được chiếc xe của anh V. Sau đó bị cáo đến mở khóa xe của anh Vũ Thanh T, bị cáo đã mở được khóa và trộm cắp chiếc xe máy của anh T đem đi tiêu thụ. Hành vi bị cáo mở khóa xe máy của anh V chưa cấu thành tội phạm. Quan điểm của VKS nhân dân huyện Trực Ninh truy tố bị cáo C phạm tội nhiều lần là không có cơ sở, căn cứ quy định của pháp luật. Vì vậy, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo đã nhờ gia đình bồi thường cho người bị hại, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS.

[3] Về hình phạt: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có đủ năng lực, trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi lấy tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện, sau khi phạm tội bị cáo lại bỏ trốn gây cản trở cho công tác điều tra, bị cáo là đối tượng nghiện ma túy. Vì vậy, hành vi của bị cáo cần phải xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo.

Căn cứ vào tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo và đề nghị của Viện kiểm sát. HĐXX xét thấy: Về hình phạt; Cần tiếp tục cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo

[4] Về hình phạt bổ sung: HĐXX xét thấy, bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, không có việc làm, xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm Dân sự: Người bị hại là anh Vũ Thanh T có lời khai đã nhận lại xe máy BS:18K1-23415 và số tiền bồi thường là 4.500.000 đồng, anh T không yêu cầu bồi thường khoản nào khác, anh Bùi Đình V có lời khai đã nhận lại xe máy BS:18K1-13438 và không yêu cầu C phải bồi thường đối với chiếc ổ khóa điện xe máy đã bị C phá hỏng, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6] Án phí: Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Trần Văn C 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 06 tháng 02 năm 2019.

2. Án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết 326/2016 UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án; bị cáo Trần Văn C phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày; Bị cáo Trần Văn C có quyền kháng cáo kể từ ngày tuyên án; Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện + tỉnh Nam Định;
- Công an huyện Trực Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh;
- UBND xã Trung Đông;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS + VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Thu